

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Ngọc Thới

2. Ông Nguyễn Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989, có mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Kuo Ming F, sinh năm 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1/3, hẻm 70, đường T, khóm U, phường V, khu X, thành phố Y, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị và anh Kuo Ming F kết hôn với nhau do mai mối được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 25/01/2016.

Sau khi kết hôn, anh Kuo Ming F trở về Đài Loan và thỉnh thoảng có về Việt Nam chung sống với chị. Trong thời gian này giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn khi chị mang thai khoảng 05 tháng thì anh Kuo Ming F không về Việt Nam thăm chị nữa, giữa chị và anh không còn liên lạc gì với nhau. Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 04/02/2017 do chị Đ nuôi dưỡng. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Đ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Kuo Ming F.
- Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có nên không yêu cầu giải quyết.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 04/02/2017 hiện do chị Đ nuôi dưỡng chăm sóc. Chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh Kuo Ming F và tài sản chung, nợ chung đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung: chị Đ và anh Kuo Ming F có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 04/02/2017 hiện do chị Đ nuôi dưỡng chăm sóc. Chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa vị kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, việc thu thập chứng cứ và thực hiện mở phiên tòa bảo đảm đúng thủ tục tố tụng. Về bị đơn đã được ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến nên giải quyết vắng mặt đối với bị đơn. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Kuo Ming F.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét chị Nguyễn Thị Đ là công dân Việt Nam yêu cầu ly hôn anh Kuo Ming F, quốc tịch: Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) là quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và việc ly hôn giữa công dân Việt Nam là chị Nguyễn Thị Đ và anh Kuo Ming F là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[2] Xét Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định, yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị Đ ly hôn cho anh Kuo Ming F và yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan triệu tập anh Kuo Ming F đến để ghi lời khai của anh về yêu cầu ly hôn của chị Đ nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan xác định đã thực hiện tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp tới người được thuê trong gia đình của anh Kuo Ming F, nhưng đến nay đương sự không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật nên giải quyết vắng mặt đối với anh Kuo Ming F theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[3] Xét theo chị Đ cho rằng sau khi kết hôn chị và anh Kuo Ming F chung sống với nhau được 01 tháng tại Việt Nam, sau đó anh Kuo Ming F trở về nước. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, chị Đ và anh Kuo Ming F đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, thường hay cự cãi dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên cả hai không còn liên lạc với nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Thực tế giữa anh Kuo Ming F và chị Đ không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng và chị Đ xác định từ khi anh Kuo Ming F trở về nước cho đến nay vợ chồng chị không còn liên lạc với nhau. Xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết.

[5] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 04/02/2017 cho chị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[6] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Đ phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 37, Điều 147, Điều 153, Điều 227, khoản 1 Điều 469, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Kuo Ming F.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 04/02/2017 cho chị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc.

2. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số 0000777 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Đ phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp và chị đã nộp xong theo biên lai thu số 0000852 ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án chị Nguyễn Thị Đ được quyền kháng cáo. Anh Kuo Ming F được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- Cục THADS TVL: 01b;
- UBND HTB: 01b;
- Các đs: 02b;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Minh Tâm